

# Vài nét về tiểu sử, sự nghiệp và tác phẩm của Phạm Nguyễn Du

Nguyễn Thanh Tùng<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Bài viết giới thiệu tổng quan về tiểu sử, sự nghiệp của Phạm Nguyễn Du, một tác giả Hán Nôm rất đáng chú ý ở Việt Nam thời trung đại. Bên cạnh đó, bài viết cũng tiến hành khảo sát, mô tả toàn diện tình hình văn bản cũng như nêu những nhận định khái quát về giá trị các tác phẩm của Phạm Nguyễn Du; từ đây đề xuất một số hướng nghiên cứu về tác giả - tác phẩm Phạm Nguyễn Du trong tương lai.

**Từ khóa:** Phạm Nguyễn Du, Tiểu sử, Sự nghiệp, Tác phẩm, Văn bản

**Abstract:** This paper presents an overview of the life and career of Pham Nguyen Du (1740-1787), a remarkable Sino-Nom author in pre-modern Vietnam. Besides, it provides a comprehensive examination of the given texts of his literary works as well as general comments on their values; thereby, proposing some research ideas on Pham Nguyen Du's life and works in the future.

**Keywords:** Pham Nguyen Du, Biography, Career, Literary Work, Texts

## 1. Đặt vấn đề

Phạm Nguyễn Du 范阮攸 (1740-1787?) là một tác giả có vị trí khá quan trọng trong văn học Việt Nam thế kỷ XVIII nói riêng và văn học Việt Nam trung đại nói chung. Tuy vậy, thân thế, sự nghiệp và trước tác của ông vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ, đúng mức. Nhiều thông tin về tiểu sử, sự nghiệp, trước tác của ông vẫn còn ít được biết đến. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi đặt vấn đề tìm hiểu tiểu sử, sự nghiệp và tình hình văn bản cũng như khái quát giá trị các tác phẩm của ông, ngõ hầu bước đầu cho phép hình dung rõ hơn về Phạm Nguyễn Du, cũng như đặt ra

những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu về học giả này.

## 2. Nội dung

### 2.1. Tiểu sử, sự nghiệp

Phạm Nguyễn Du, vốn tên là Phạm Huy Khiêm 范擣謙<sup>2</sup> tên chữ là Tôn Nhi 尊而, sau đổi tên chữ thành Hiếu Đức 好德<sup>3</sup>,

<sup>2</sup> Từ trước đến nay, nhiều tài liệu vẫn đọc “擣謙” là Vi Khiêm, Vĩ Khiêm. Theo chúng tôi thì phải đọc là Huy Khiêm (hoặc Hy Khiêm). Trong *Khang Hi tự điển* ghi rằng: sách *Đường vận* phiên là “hứa vi thiết” 許為切, sách *Tập vận*, *Vận hội* phiên là “hu vi thiết” 吁為切. *Từ nguyên* cũng cho biết, chữ này phiên là “hô uy thiết” 呼透切 vận “chỉ” 支 thanh mẫu “hiều” 曉. Chúng tôi cũng đã thấy một số tài liệu quốc ngữ phiên là Huy Khiêm.

<sup>3</sup> Theo bài *Tự thuyết* 自說 (Tự nói về mình) trong sách *Thạch Động văn sao* (lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm - VNCHN, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, ký hiệu VHv.84/2) do Phạm Nguyễn Du

<sup>(\*)</sup> PGS.TS., Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; Email: nguyentunghnue@gmail.com

hiệu là Dương Hiên 養軒<sup>1</sup> và Thạch Động 石洞, biệt hiệu Hữu Pha 友坡, người thôn Hùng Quân, xã Đặng Điền, huyện Chân Phúc, tổng Đức Quang, trấn Nghệ An (nay là xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An), sinh năm Canh Thân (1740)<sup>2</sup>

viết, năm Ất Mùi (1775) ông đổi tên húy và tên tự: từ Huy Khiêm sang Nguyễn Du, từ Tôn Nhi sang Hiếu Đức. Trong bài thơ *Phúc Phạm Thạch Động nguyên vận* (Họa lại nguyên vận thơ Phạm Thạch Động) trích từ tập *Bút hải tùng đàm* của Ngô Thì Nhậm cũng có câu: “Cùng với Tôn Nhi sau trước buổi trung thu/ Lúc thì làm ca, từ, khi lại làm thơ” (*Trung thu tiền hậu dữ Tôn Nhi/ Thời tác ca, từ hựu tác thi*). Sách này chú: “Tôn Nhi là tên chữ của Thạch Động” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2003: 148-149). “Tôn Nhi”, “Huy Khiêm” - những chữ lấy trong *Kinh Dịch* (quẻ Khiêm). Lời thối quẻ Khiêm có đoạn viết: “*Nhân đạo ố doanh nhi hiếu khiêm, khiêm tôn nhi quang...*” (Đạo người ghét chỗ đầy mà yêu sự khiêm nhường, sự khiêm nhường cao mà sáng). Lời hào tứ (lục tứ) của quẻ Khiêm nói: “*Vô bất lợi huy khiêm*” (Phát huy sự khiêm nhường thì không gì không lợi). Sau này, tên Du và Hiếu Đức lại là những chữ lấy trong *Kinh Thư* (thiên “Hồng phạm”): “*Ngũ phúc: nhất thọ, nhị phú, tam khang, tứ ninh, ngũ khảo, chung mệnh nhi du hiếu đức cư kì tử*” (Trong ngũ phúc là thọ, phú, khang, ninh, khảo thì sự yêu chuộng cái đức ấy nằm ở “ninh”) [*Tự thuyết*]. Còn theo Phạm Đình Hổ (1989: 77), mãi đến khoa thi năm Kỷ Hợi (1779) ông mới đổi tên từ Phạm Huy Khiêm sang Phạm Nguyễn Du. Ở đây chúng tôi theo bài *Tự thuyết*.

<sup>1</sup> Một số tài liệu như sách *Danh thi hợp tuyển* (A.1455), *Nhân Trung vịnh cổ vịnh sử* (Vỹ Khiêm và cộng sự, 1973), v.v... cho biết Phạm Nguyễn Du còn tên hiệu khác là Ích Mai Hiên (益梅軒) hay Ích Hiên (益軒).

<sup>2</sup> Bài dẫn sách *Đoạn trường lục* cho biết vào năm Nhâm Thìn niên hiệu Cảnh Hưng (1772), ông đang ở bộ Lại thì vợ ông mất. Bài tựa viết cho tập *Trường bi tư thiên* (Nguyễn Kì Trai) của Phạm Nguyễn Du có đoạn tự thuật như sau: “Tôi mười bảy tuổi mất cha, hai mươi bốn mất con, ba mươi một mất vợ, ba mươi tư mất mẹ, sự buồn nhớ của tôi so với Kì Trai còn hơn một bậc. Nhân cảm động trước tập thơ, tôi viết bài tựa đặt ở đầu tập” (Đỗ Văn Hỷ, 1993). Nếu theo hai tư liệu này thì ông phải sinh vào năm Nhâm Tuất (1741). Tuy nhiên, trong bài *Tự thuyết*

mất vào khoảng năm Đinh Mùi (1787)<sup>3</sup>.

Tổ tiên Phạm Nguyễn Du vốn là phú nông, đến đời ông nội ông mới bắt đầu theo học chữ nghĩa. Cha của Phạm Nguyễn Du đỗ Hương cống năm Nhâm Tý (1732), sau đó không đi thi tiếp mà ở nhà dạy học và trông coi việc ruộng vườn, giữ khí tiết thanh cao, không xu thời, mất năm Bính Tý (1756), thọ 53 tuổi. Mẹ ông họ Nguyễn, mất năm Quý Tỵ (1773), thọ 60 tuổi. Nhà ông có ba anh em trai, ông là con cả. Năm 21 tuổi (1760), ông thành gia thất với bà Nguyễn Thị Đoan Hương (người cùng huyện), là chị ruột của Nguyễn Hữu Chính (1741-1786). Năm Nhâm Thìn (1772), bà qua đời vì bệnh đậu mùa, để lại cho ông hai người con gái. Sự kiện này ghi dấu ấn rõ nét trong thơ văn Phạm Nguyễn Du. Năm Đinh Dậu (1777) sau khi từ phương Nam công cán trở về, ông định cư hẳn ở phường Bích Câu, kinh đô Thăng Long (nay là phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội).

Phạm Nguyễn Du là người thông minh từ nhỏ. Năm 15 tuổi (1754) ông lên kinh đô học, sau đó đỗ Giải nguyên đầu xứ (không rõ năm nào?). Nhưng có vẻ do

đã dẫn, Phạm Nguyễn Du có viết: “Tôi vốn tên là Huy Khiêm, tự là Tôn Nhi, năm Ất Mùi (1775) tôi ba mươi sáu tuổi, mới đổi tên ra thành [Nguyễn] Du, tự là Hiếu Đức...”. Vậy năm sinh của ông là 1740 đúng hơn. Bài tựa *Trường bi tư thiên* có lẽ chép nhầm. Bản dịch bài tựa này đã công bố cũng lại dịch nhầm một lần nữa thành: “tôi ba mươi tuổi mất vợ”, bỏ sót một chữ “nhất”. Ngô Đức Thọ cũng ghi năm sinh của ông là 1740 (Ngô Đức Thọ, 1993: 745)... Bài *Sinh nhật cảm đề* trong *Thạch Động tiên sinh thi tập* (VNCHN, ký hiệu VHv.1464/1) cho biết, ông sinh vào ngày mùng 9 tháng Giêng (*Mạnh xuân sơ cửu ngã sơ sinh*).

<sup>3</sup> Về vấn đề năm mất của Phạm Nguyễn Du, các sách cũng ghi không thống nhất. Trần Văn Giáp (1971a: 315; 1971b: 106) ghi 1787, Ngô Đức Thọ (1993: 745) ghi 1786,... Chúng tôi thiên về giả thuyết năm 1787.

sự đố kỵ của khảo quan, con đường khoa cử những năm tiếp đó của ông không hanh thông<sup>1</sup>. Mãi đến năm Kỷ Hợi (1779) khi đã 40 tuổi, vào thi hội, ông mới đỗ Hội nguyên; sang đầu năm Canh Tý (1780) vào thi Đình, ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp). Tài năng của Phạm Nguyễn Du được nhiều danh sĩ đương thời (Bùi Huy Bích, Ngô Thì Nhậm, Ninh Tôn, Ngô Thì Trí, Phạm Quý Thích, Trần Danh Án...) thừa nhận<sup>2</sup>. Họ cũng thường xuyên giao du với ông và để lại nhiều thư từ, thơ phú xướng họa. Ngay cả chúa Trịnh Sâm cũng rất trọng tài năng của ông (cùng với những người như Nguyễn Khản, Ninh Tôn...) nên ông thường xuyên được ra vào trong phủ chúa và được hưởng những ân sủng đặc biệt<sup>3</sup>.

Cuộc đời làm quan của ông tuy không có nhiều công trạng hiển hách, chức vụ cao như lời ông tự nhận (*Vũ tai phụng thượng thực phong* 兩灾奉上實封) nhưng nói chung cũng tương đối hanh thông. Từ

khoảng những năm 1760 đến 1780, ông đã trải qua các chức như: Tri huyện (Thanh Oai), Lại bộ Viên ngoại lang, Lang trung (1772-1774), Cấp sự trung, Giám sát ngự sử đạo Hải Dương, Quốc sử viện Toàn tu (1775), Hàn lâm viện Hiệu thảo, Thiêm sai phủ Liêu, Tri thị nội thư tả Hình phiên (1776), rồi làm Tán lý nhung vụ xứ Thuận Hóa, Quảng Nam (1776-1777), Giám thí trường thi Sơn Tây,... Năm 1780, sau khi thi đỗ Hoàng giáp, ông được giao giữ chức Thiêm sai tri Hình phiên, Hàn lâm viện Hiệu lý.

Khoảng năm 1781-1783, ông được giữ chức Đông các Hiệu thư kiêm Thự hiến sát sử đạo Kinh Bắc. Năm 1782, sau loạn kiêu binh dẫn đến việc Trịnh Khải lên ngôi chúa, Phạm Nguyễn Du cùng với Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm tham gia vào việc luận tội những người theo phe đảng Đặng Thị Huệ, Quận Huy (Hoàng Tố Lý)<sup>4</sup>.

Năm 1784, do có bệnh (việc này đã được Lê Hữu Trác ghi nhận năm 1782 trong *Thượng kinh kí sự*) nên ông được cho về nghỉ tại quê nhà, sống cuộc sống bình đạm “ăn rau cỏ, mặc áo thô, đi giày da, chống gậy trúc, cùng vui với ngư tiều canh mục” (*Dữ Động Hải hiệp đồng Ninh học sĩ*

<sup>1</sup> Theo Phạm Đình Hồ: “Khi Trịnh Tĩnh Vương (Trịnh Sâm) tổng thống quốc chính, có ông Phạm Vĩ Khiêm có tiếng là người văn học giỏi, được chúa biết tên. Nhưng ông ấy khi nhỏ hay khí khái trái ngược với đời, các quan chủ khảo ở Lễ vi hễ thấy quyền thì đánh hồng, cũng giống như ông Ngô Thì Sĩ. Khi đã đứng tuổi, học nghiệp càng thâm thúy, văn chương ông đổi hẳn lối cũ...” (Phạm Đình Hồ, 1989: 76-77).

<sup>2</sup> Chẳng hạn, Ninh Tôn trong bài tựa *Nam hành kí đắc tập* viết: “Hữu Pha công thiên tài tuấn dị, nổi tiếng bằng thơ văn, trên được nhà vua cất nhắc, dưới được công khanh nể vì và nho sĩ chiêm ngưỡng” (Đỗ Văn Hỷ, 1993),...

<sup>3</sup> Ngô Thì Nhậm trong bài *Xuân nhật họa Phạm Thiên Nhất chi tác* (Ngày xuân họa bài thơ của Phạm Thiên Nhất) có câu đùa Phạm Nguyễn Du như sau: “Ông Thạch Động chờ chực canh giờ trong cấm đình” (*Thạch Động thân bồi cấm lậu canh*). Tuy là câu đùa nhưng nó cũng cho thấy Phạm Nguyễn Du được gần gũi chúa như thế nào (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2003: 163).

<sup>4</sup> *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép: “Trước kia, Trịnh Sâm bị bệnh nặng, cho con là Cán nối ngôi, sai bọn Phan Lê Phiên viết thư cổ mệnh của Trịnh Sâm và chế sách về Tuyên phi Đặng Thị. Khi thư cổ mệnh đã viết xong, Sâm không thể phê chữ [“Cán”] vào thư được nữa, sai Trịnh Kiêu viết thay. Đến nay (1782 - NTT), Trịnh Khải đưa thư cổ mệnh ấy ra làm bằng cứ, giao xuống cho chính phủ bàn luận”. Thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm lời luận “quốc thị” đại lược nói: “Việc lập Điện đô vương và hạ lệnh cho Tuyên phi cùng xét đoán việc nước, đều là lời trời trăng lằm lằm trong lúc Thịnh Vương sắp mất, không thể coi là chính đáng được. Nay thái phi lấy địa vị người mẹ thay đổi việc làm của con, rất hợp sự lý đúng đắn. Xin truy xét tội bày tôi phụ họa, làm sáng tỏ nghiêm chỉnh điển hình trong nước” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 765-766).

thur 與洞海協同寧學士書). Sau đó (đường như là ngay năm đó) ông lại trở về kinh đô giúp việc cho chúa Trịnh và được thăng Đông các đại học sĩ.

Năm 1785, trong nước có nạn mưa to lâu ngày không dứt, chúa Trịnh (Tông) xuống chỉ câu lời nói thẳng, ông dâng bài khải 4 điều bàn về việc chấn chỉnh quân đội, quan lại, giáo dục, lễ chế (*Vũ tai phụng thượng thực phong*)<sup>1</sup>. Bài khải cũng nêu vấn đề lập lại kỷ cương và nguyên tắc kính phò vua Lê của các đời chúa Trịnh để làm gương cho bề dưới. Tuy nhiên, bài khải không được chúa Trịnh Tông trả lời, ít lâu sau, ông được cử ra làm Đốc đồng Nghệ An (cuối năm 1785).

Vào khoảng năm 1786-1787, Nguyễn Hữu Chỉnh dẫn đường quân Tây Sơn đánh ra Bắc, diệt chúa Trịnh. Phạm Nguyễn Du lúc này đang ở tỉnh Nghệ An, đã rút lên vùng núi huyện Thanh Chương, định tập hợp quân lính mưu chống lại, nhưng việc chưa thành thì ông bị bệnh và mất<sup>2</sup>. Trước khi mất, ông còn để lại hai câu thơ thể hiện tâm trạng bi phẫn:

已矣英雄無用武，  
果然天意葬茲文。

*Dĩ hĩ anh hùng vô dụng võ,*

*Quả nhiên thiên ý táng tư văn.*

(Thế là thôi rồi, anh hùng đâu còn nơi dụng võ,

<sup>1</sup> Bài khải này được chép nguyên văn trong sách *Thạch Động văn sao* (VNCHN, ký hiệu VHv.84/1). Nó cũng được trích lục gần như nguyên văn trong sách *Việt sử thông giám cương mục* (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007).

<sup>2</sup> Theo *Lê Quý dật sử*, “về sau Vi (Huy) Khiêm làm việc phò Lê, thống suất hơn 100 đồ đệ, đi đến xã Cát Ngạn, huyện Thanh Chương, truyền hịch kể tội Nguyễn Hữu Chỉnh, mưu lật đổ Bằng Trung Công (tước của Chỉnh) nhưng quân lính vừa mới tập hợp thì Vi Khiêm bị bệnh mất” (Dẫn theo: Phạm Nguyễn Du, *Đoạn trường lục*, 2001: 10).

Quả nhiên là ý trời muốn chôn vùi cái “văn này”).

[Lời chú dẫn *Thạch Động tiên sinh thi tập* 石洞先生詩集, VNCHN, ký hiệu VHv.1464/1, tờ 1a].

## 2.2. Tình hình văn bản và giá trị các tác phẩm của Phạm Nguyễn Du

Phạm Nguyễn Du biên soạn, sáng tác khá nhiều tác phẩm. Sau đây, chúng tôi sẽ lược thuật về các tác phẩm (hiện còn hoặc đã tàn, khuyết) của ông kèm theo những nhận định khái quát về giá trị của chúng.

1/ **Độc sử tuyển ngôn** 讀史選言: sách đã mất, hiện chỉ còn bài tựa chép trong sách *Thạch Động văn sao* 石洞文抄 (VNCHN, ký hiệu VHv.84/1-2). Đây là một dạng ghi chép theo kiểu “nhật ký” khi đọc sách, đặc biệt là chỉ ghi lại những câu nói, đoạn văn mà ông tâm đắc trong các sách sử. Vì vậy, có lẽ sách cũng không có nhiều giá trị ngoài việc cho thấy thị hiếu hoặc khuynh hướng tư tưởng của Phạm Nguyễn Du nói riêng và thời đại ông nói chung.

2/ **Phụng thị cung kỉ thi tập** 奉侍供紀詩集, làm từ năm Đinh Dậu (1777) trở về sau, tập thơ này cũng đã không còn, nay chỉ còn lại bài tựa chép trong *Thạch Động văn sao* và một số bài thơ của tập này hiện được chép trong *Thạch Động tiên sinh thi tập* 石洞先生詩集 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm - VNCHN: VHv.1464/1), *Hầu Thạch Động thi tập* 候石洞詩集 (VNCHN, ký hiệu VHv.1464/2) và *Thạch Động thi sao* 石洞詩抄 (A.577)... Bài tựa cho biết ông “được gặp bậc thánh duệ [chỉ Trịnh Sâm - NTT], được thân theo hầu, có lúc xem hành động, việc làm, có lúc được góp vui yến ẩm, có lúc được hộ vệ đi thăm nom thắng cảnh, có lúc được xem điếm lạnh nơi cung điện, có lúc chứng kiến việc thể hiện uy vũ, có lúc được thấy việc chăm dạy văn chương”. Như vậy, có thể thấy đây là tập thơ thù vịnh, ca ngợi cảnh thái bình, ca ngợi chính sự Đàng

Ngoài lúc bấy giờ (*Tung giá nhập Ái Châu ký kiến* 從駕入愛州記見, *Nguyệt dạ ngự chu phiếm quá Thần Phù hải khẩu* 月夜御舟泛過神符海口...), thể hiện sự nhiệt tình và niềm lạc quan của Phạm Nguyễn Du đối với thời thế và cũng phản ánh hoạn lộ đang rất sáng sủa của ông.

3/ **Quốc sử tục biên** 國史記續編 (hay *Đại Việt sử ký tục biên* 大越史記續編), soạn cùng với Ngô Thì Sĩ, Ninh Tôn, Nguyễn Sá vào năm 1775 khi ông đang giữ chức Quốc sử toàn tu. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* 歷朝憲章類誌 (*Văn tịch chí*) của Phan Huy Chú, sách gồm 6 quyển, chép bắt đầu từ các sự việc xảy ra từ niên hiệu Vĩnh Trị (1676) đời Lê Hy Tông đến niên hiệu Vĩnh Hựu (1735-1739) đời Lê Ý Tông. Đây là sự tiếp tục của bộ *Đại Việt sử ký tục biên* do các sử thần thời Lê Hy Tông (như Phạm Công Trứ, Lê Hy, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Quý Đức...). Sách mang tên *Đại Việt sử ký tục biên* hiện có 6 dị bản tàng trữ tại VNCHN:

- A.1189/ 1-2: 850 trang, 29 x 18 cm: chép từ thời Lê Thái Tổ (1428-1433) đến năm 1773 (thời Lê Hiến Tông).

- A.4/ 1-4: 562 trang, 30 x 17 cm, chép từ Lê Thái Tổ (1428-1433) đến năm 1675 (thời Lê Gia Tông).

- A.1210: 546 trang, 31 x 21 cm: chép từ năm Bính Thìn (1676) đời Lê Hy Tông đến năm Kỷ Dậu (1789).

- A.4: 208 trang, 31 x 17 cm, chép sử đời Lê Hiến Tông (1740-1786).

- A.2089: 31x17, chép từ đời Lê Hy Tông đến năm 1733.

- A.1415: 246 trang, 29 x 16 cm, chép từ đời Lê Hy Tông đến năm Quý Dậu niên hiệu Cảnh Hưng thứ 14 (1753).

Hai dị bản hiện đang được tàng trữ tại Pháp (chưa rõ nội dung cụ thể):

- Paris. SA.HM.2198: 506 trang, 25 x 13 cm: ?

- Paris. SA.HM.2137: 862 trang, 32 x 21 cm, 8: ? (Trần Nghĩa, Francois Gros, 1993).

Như vậy, tất cả các bản trên đây không có bản nào trùng khít với những gì Phan Huy Chú đã mô tả. Thậm chí có bản không liên quan đến công trình mà Phạm Nguyễn Du có tham gia biên soạn (như bản A.4/ 1-4, A.4). Các bản còn lại (ở VNCHN) chắc hẳn là hoặc chép lại toàn bộ, hoặc kế thừa một phần những ghi chép của Phạm Nguyễn Du và công sự của ông từ năm 1676-1739. Có lẽ đã đến lúc cần hiệu khám, phục nguyên và nghiên cứu kỹ lưỡng văn bản *Quốc sử tục biên* (1775) để thấy rõ được đóng góp của nhóm tác giả Phạm Nguyễn Du, Nguyễn Sá, Ngô Thì Sĩ, Ninh Tôn đối với sử học nước nhà.

4/ **Nam hành ký đắc tập** 南行記得集 (VNCHN: A.2939) do Phạm Nguyễn Du soạn và tự đề tựa năm Đinh Dậu niên hiệu Cảnh Hưng (1777) sau khi làm nhung vụ xứ Thuận Hóa, Quảng Nam trở về (1776-1777). Sách còn có một bài tựa của Bùi Huy Bích 裴輝璧, một bài tựa của Ninh Tôn 寧遜 (bài tựa này đã được dịch ra tiếng Việt (xem: Đỗ Văn Hỷ, 1993) và một bài tựa của Phạm Thiên Nhất 范天一 (hiệu Thần Khê 神溪) đều viết vào cùng năm này. Sách bao gồm 4 quyển: Quyển 1 gồm 8 bài văn bàn về cách dùng người, binh tài, hình thế, phong tục, xa hoa tiết kiệm, tiết nghĩa của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong và 1 bài tổng luận, ngoài ra còn có 1 bài bàn về phong thổ, nhân vật xứ Hà Tiên. Đây là những bài khảo cứu, bình luận về địa lý, về chính trị, kinh tế xã hội có giá trị về vùng đất phương Nam nước ta thế kỷ XVIII, cùng loại với những ghi chép trong *Ô Châu cận lục* 烏州近錄 của Dương Văn An 楊文安, *Phủ biên tạp lục* 撫邊雜錄 của Lê Quý Đôn 黎貴惇. Quyển 2 giới thiệu, trích lục một số bài thơ (ngũ ngôn, thất ngôn) của

các danh sĩ Đàng Trong như Nguyễn Cư Trinh 阮居貞, Ngô Thế Lân 吳世鄰, Mạc Thiên Tích 鄭天賜, Trần Thụy 陳瑞, Hồ Tông Diên 胡宗延, Nguyễn Phúc Dục 阮福昱. Quyển này có ý nghĩa bảo tồn các tác phẩm của văn học miền Nam thế kỷ XVIII. Quyển 3 gồm có 6 bài trát gửi đại tướng quân và một số bài văn tế quý thần viết hộ cho đoàn quân vào chinh phục phương Nam, cho chúng ta biết đôi điều về các sự kiện lịch sử đương thời. Đáng chú ý nhất là quyển 4 chép lại 30 bài thơ (tức cảnh, tức sự, cảm hoài...) và 2 bài phú: *Xuân Thành đông vũ* 春城冬雨 và *Nguyễn thị di cung* 阮氏遺宮 do tác giả viết trong thời gian làm công vụ ở Đàng Trong. Những bài thơ này đã ghi lại những gì mắt thấy tai nghe trên đường cũng như cảm tưởng của tác giả về dân tình, về chính sự của chúa Nguyễn. Đây là những bài thơ thể hiện cái nhìn hiện thực và nhân đạo của tác giả. Bản A.2939 hiện nay ngoài các phần đã mô tả còn có thêm một số bài văn, thơ thời Nguyễn ở sau quyển 4 do người sao chép thêm vào. Một số bài văn, bài thơ, bài phú trong sách này đã được dịch và công bố trong các bộ hợp tuyển, tuyển tập, tổng tập văn học (Xem: Đặng Đức Siêu, 1996) ở trong nước.

5/ **Thạch Động văn sao** (hay *Thạch Động di lục* 石洞遺錄) (VNCHN: VHv.84/1-2): 2 tập dày 318 trang, khổ 29 x 17 cm. Đầu sách (tờ 1a) có lời chú dẫn cho biết sách được chép năm Quý Tỵ, triều Nguyễn. Căn cứ vào việc sách có kiêng húy chữ “Thời” (時), chữ “Nhậm” (任) thời Tự Đức (1848-1883) thì có thể khẳng định sách được chép vào năm Quý Tỵ (1893) chứ không thể sớm hơn. Nhưng sách còn kiêng húy chữ “Chủng” (種), chữ “Tông” (宗) (chữ húy thời Gia Long, Thiệu Trị) cho thấy nó bảo lưu được dấu vết cổ của tư liệu đầu thời Nguyễn, tương đối gần với thời điểm sáng tác của tác giả.

Lời chú dẫn đầu sách cũng cho biết sách *Thạch Động văn sao* do Phạm Nguyễn Du tự soạn, gồm 8 quyển. Tuy nhiên, văn bản hiện không còn giữ nguyên kết cấu đó, chỉ còn lại dấu vết ở tập I (tập I chia làm 2 quyển, tập II không chia quyển), ghi chép lại các bài văn của Phạm Nguyễn Du làm lúc sinh thời, bao gồm các thể loại sau đây: tự, bạt (đề từ, dẫn) cho các sách của ông và bằng hữu (20 bài); thư, trát, khải, trình (96 bài); tặng tự (27 bài); ký, lục (24 bài); luận thuyết (5 bài); sớ, văn tế (8 bài); bi ký (10 bài) và phú (4 bài). Tổng cộng sách này có 194 bài văn của Phạm Nguyễn Du. Ngoài ra, có 2 bài không phải của Phạm Nguyễn Du là bài *Nguyễn Hàn tự thuyết* 阮韓自說 (của Nguyễn Hàn 阮韓) và *Lập Trai Phạm Dữ Đạo tự thuyết* 立齋范與道自說 (của Phạm Quý Thích 范貴適). Trong đó có rất nhiều bài có giá trị về mặt văn học, sử học. Qua các bức thư Phạm Nguyễn Du trao đổi cùng bạn bè, cũng như các bài ký, lục có tính chất tự thuật, có thể hiểu thêm cuộc đời và con người ông cũng như nhiều tác giả đương thời. Ngoài ra, chúng còn có giá trị về mặt sử học, phản ánh nhiều sự kiện lịch sử của Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII. Các bài luận thuyết, khải tấu chủ yếu trình bày tư tưởng chính trị, triết học của ông với nhiều kiến giải sâu sắc (chẳng hạn như bài *Vũ tai phụng thượng thực phong*...). Đặc biệt, nhiều bài tựa, bạt, đề từ ông viết cho các tác phẩm của mình cũng như của bạn bè, đồng liêu đã thể hiện quan niệm văn học của ông nói riêng và thời đại ông nói chung, là những tư liệu quan trọng trong việc nghiên cứu quan niệm văn học, quan niệm thi học trong văn học trung đại Việt Nam. Một số bài đã được dịch ra chữ quốc ngữ và công bố như *Tây hồ mạn hứng tự* 西扈漫興序, *Tựa Trường bi tư thiên* 長悲思篇序, *Nghệ An thi tập tự* 又安詩集序...

6/ *Độc sử si tưởng* 讀史痴想, bao gồm 146 bài thơ và 1 liên thơ lẻ (mục lục ghi là 164 bài, có lẽ nhầm về trật tự con số) của Phạm Nguyễn Du vịnh các nhân vật lịch sử Trung Quốc, từ vua chúa, công khanh, trung thần, nghĩa sĩ đến bọn gian nịnh, kéo dài từ Bàn Cổ đến đời Đường. Tập thơ thể hiện sự am hiểu lịch sử Trung Quốc của tác giả, cũng như tư tưởng Nho giáo chính thống của ông trong khi bình phẩm về các nhân vật này. Điều đáng tiếc là trong tập thơ này không có một nhân vật nào trong lịch sử Việt Nam.

Hiện còn trên 10 dị bản của *Độc sử si tưởng* như sau:

- A.2854 (VNCHN): *Độc sử si tưởng*, tờ chép tay. Sách bao gồm tập thơ *Độc sử si tưởng* của Phạm Nguyễn Du (146 bài) và tập *Độc sử si tưởng* của Trần Lãn Phu 陳懶夫 ở Xuân Phái 春派.

- A.1620 (VNCHN): *Nghệ An Hoàng giáp Phạm Thạch Động vịnh sử tập* 又安黃甲范石峒詠史集, gồm 36 tờ chép tay, khổ 26 x 15 cm. Sách bao gồm tập *Độc sử si tưởng* (tờ 1a đến tờ 20b) của Phạm Nguyễn Du và *Ngoạn sử thừa hưng thi tập* 玩史承興詩集 của Trần Lãn Phu ở Xuân Phái (tờ 21a đến 36b). Bản này tương tự như bản A.2854.

- A.1911 (VNCHN): *Độc sử si tưởng*, 26 tờ chép tay, khổ 28 x 16 cm, trong đó phụ chép cả tập *Cát Động Hà đại nhân thi tập* (từ tờ 22a đến tờ 26b).

- A.1365 (VNCHN): *Độc sử si tưởng*, 26 tờ chép tay, khổ 31 x 20 cm.

- VHv.1793 (VNCHN): *Độc sử si tưởng*, 29 tờ chép tay, khổ 29 x 17 cm.

- VHv.147 (VNCHN): *Độc sử si tưởng*, 22 tờ chép tay, khổ 26 x 14 cm, chép 133 bài thơ. Đầu sách có bài tựa của Phạm Nguyễn Du năm Cảnh Hưng thứ 29 (1768) (Trần Nghĩa, Francois Gros, 1993).

- VHv.1596 (VNCHN): *Danh thi hợp tuyển* 名詩合選, gồm 2 quyển (XIX, X), 58

tờ in mộc bản tại Hải Học đường, khổ 27 x 16 cm. Tập *Độc sử si tưởng* nằm ở quyển X gồm 146 bài thơ và 1 liên thơ. Quyển XIX là tập thơ *Tinh tra kỉ hành* 星槎紀行 của Phan Huy Ích.

- A.1455 (VNCHN): *Hải Học danh thi tuyển* 海學名詩選, gồm 3 quyển (VIII, XIX, X) in mộc bản tại Hải Học đường, khổ 24 x 14 cm. Tập *Độc sử si tưởng* nằm ở quyển X. Đầu sách có bài tựa của Phạm Nguyễn Du năm Cảnh Hưng thứ 29 (1768).

- VHv.1785 (VNCHN): mang tên *Vịnh sử hợp tập* 詠史合集, gồm 123 tờ chép tay, khổ 28 x 16 cm, do Dương Thúc Hiệp biên soạn. Đầu sách có bài tựa của Dương Thúc Hiệp đề năm Thành Thái Nhâm Dần (1902) ghi lý do soạn sách là nhân duyệt các tập thơ vịnh sử của Phạm Nguyễn Du, Nguyễn Đức Đạt, mà soạn ra sách này. Phần chính của sách chia làm hai tập Giáp và Ất, chép các bài thơ vịnh sử của bốn tác giả: Phạm Nguyễn Du (30 bài), Nguyễn Đức Đạt 阮德達 (346 bài), Song Quỳnh Dương Thúc Hiệp 雙琮楊叔合 (411 bài), công chúa Mai Am 梅庵 (23 bài), tổng cộng 810 bài. Ngoài ra, sách còn có phụ lục các bài thơ vịnh sử khác của Phạm Nguyễn Du (phần này mang tên *Thạch Động Phạm công tuyển lịch cổ quân thần thi* 石洞范公選歷古君臣詩) gồm 129 bài. Đây chính là phần lớn của tác phẩm *Độc sử si tưởng*.

- R.404 (Thư viện Quốc gia Việt Nam). Sách này có tên *Sử lược tiết yếu* 史畧節要, gồm 117 trang chép tay, khổ 27 x 15 cm, chép năm Thành Thái thứ 13 (1901). Các trang từ 1-20 chép tập *Độc sử si tưởng* của Phạm Nguyễn Du. Từ trang 21 trở đi lược chép tản mạn sử Trung Quốc và Việt Nam.

- Ở thư viện Văn khố Đà Lạt trước năm 1975 cũng có một tập sách mang tên *Nhàn trung vịnh cổ vịnh sử* 閒中詠古詠史, sách này đã được biên dịch và phát hành kèm theo ảnh ấn nguyên bản (Vỹ Khiêm và các

cộng sự, 1973). Nghiên cứu văn bản tập sách này cho thấy, nó tương tự như phần chính (tập Giáp và Ất) của bản VHv.1785 trên đây và không có phần phụ lục tác phẩm *Độc sử si tưởng* của Phạm Nguyễn Du.

Nhìn chung, có thể phỏng đoán rằng các bản chép tay trên đây có lẽ được chép lại từ bản in ở Hải Học đường. Số lượng các bài thơ ở hai bản in là đầy đủ hơn cả (146 bài thơ + 1 liên thơ). Sách này cũng đã được Trần Lê Nhân dịch ra chữ quốc ngữ nhưng chưa được công bố: bản dịch hiện tàng trữ tại thư viện Viện Triết học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), ký hiệu: H.58 (150 trang).

7/ **Thạch Động tiên sinh thi tập** (VHv.1464/1): dày 266 trang, chép tay, sách kiêng húy chữ “Chủng” (種), chữ “Tông” (宗) chữ “Thời” (時) tương tự như sách *Thạch Động văn sao*. Sách gồm có 412 bài thơ, trong đó có 34 bài đã chép trong *Đoạn trường lục* 斷腸錄, 44 bài đã chép trong *Độc sử si tưởng*, 226 bài chép trong *Hầu Thạch Động thi tập* (sẽ đề cập ở phần sau). Các bài thơ này được sáng tác từ khi Phạm Nguyễn Du mới đặt chân vào quan trường (Tri huyện Thanh Oai) (*Thanh Oai huyện sảnh* 青威縣廳...) đến khoảng năm 1785-1786 (*Sinh nhật cảm đề* 生日感題...), phản ánh khá đầy đủ diễn biến cuộc đời, tâm trạng, nỗi niềm của tác giả trong khoảng gần 30 năm. Một số bài là thơ xướng họa của tác giả với các văn nhân, sĩ phu đương thời (*Đăng Diên Quang các thứ Bùi Âm Chương công vận* 登延光閣次裴黯彰公韻, *Thứ Lập Trai vận* 次立齋韻...). Một số bài là những vần thơ vịnh cảnh thiên nhiên, miêu tả đời sống con người dọc chiều dài đất nước từ Bắc vào Nam (Huế) theo bước chân thiệp liệt của tác giả (*Hồ Công động* 壺公洞, *Kì Hoa đạo trung* 奇華道中, *Đăng Tản viên sơn* 登傘圓山...), nhiều nhất là những bài thơ viết về quê hương của ông (chùm thơ *Hương du*

*tạp vịnh*...). Một số bài là thơ “cảm hoài”, “ngôn chí” của tác giả trước thời cuộc, trước thế thái nhân tình (*Tức sự* 即事, *Đồ trung ngẫu hứng* 途中偶興, *Kí bệnh* 記病, *Tĩnh vương* 靖王...)... Sách cũng phụ chép một bài ký về núi Lập Thạch ở quê hương tác giả và một bài phú (*Thừa tra du hồ phú II* 乘槎遊湖賦其二) của Phạm Nguyễn Du. Ngoài ra, sách còn chép 30 bài văn Nôm có tiêu đề chung là *Nam âm tạp ký* 南音雜記, trong đó đáng chú ý nhất có bản diễn Nôm tác phẩm *Ti bà hành* 琵琶行 của Bạch Cư Dị 白居易, còn lại là những bài văn tế, phú, thơ nội dung không có gì đặc biệt. Có lẽ đây không phải là tác phẩm của Phạm Nguyễn Du vì ít khi thấy tác giả này sáng tác bằng chữ Nôm. Trong bài thơ *Tham nghị Thái Nguyễn Liêu tổng quốc ngữ thi* 參誼蔡阮僚送國語詩, ông cũng tự nhận mình là “Bình sinh không biết làm văn quốc ngữ” (生平不識做國語). Hơn nữa trong một tập thơ mà lại ghi chép cả văn tế, phú thi cho thấy tính chất không nhất quán của văn bản, sự tùy tiện của người chép. Bên cạnh đó là 54 bài thơ, chủ yếu là những bài thơ đi sứ (như: *Ninh Minh giang hành* 寧明江行, *Yết Mã Phục Ba từ* 謁馬伏波祠, *Đề Vương Bột miếu* 題王勃廟...) không có liên quan gì đến cuộc đời Phạm Nguyễn Du (Theo các tư liệu hiện có thì Phạm Nguyễn Du chưa hề đi sứ phương Bắc, không sang Trung Quốc). Lại có bài nói đến “cựu Lê thiên” 舊黎篇 (thiên sách triều Lê cũ) (*Thụ hàng thành phỏng cổ* 授降城訪古), đến năm Bính Dần (1806) (*Tử Thuận kí kiến* 子順記見), đến “năm Mậu Thìn, ta đã 65 tuổi” (*Trừ tịch* 除夕), v.v... cho thấy đó không phải là sáng tác của Phạm Nguyễn Du. Có lẽ đây là sáng tác của tác giả khác chép nhầm vào. Những vấn đề nêu trên cần tiếp tục được nghiên cứu thấu đáo hơn, công phu hơn dù đã có một vài công trình khảo sát (Xem: Nguyễn Hồng Linh, 2015).

8/ **Hầu Thạch Động thi tập** (VHv.1464/2), 120 trang chép tay, khổ 27 x 15 cm, không kiêng húy cho thấy sách này mới được chép gần đây (khoảng đầu thế kỷ XX). Sách gồm 236 bài thơ của Phạm Nguyễn Du, trong đó có 227 bài trùng với sách *Thạch Động tiên sinh thi tập*. Đầu sách có bài *Đề Vương Bột miếu*, có lẽ không phải của Phạm Nguyễn Du. Cuối sách còn chép thêm một bài thơ *Đáp Thạch Động công* 答石洞范公 chưa rõ của ai, và một bài ký có tên là *Kim Động Tiên Cừ Chúc Thánh tự chung kí* 金洞仙裘祝聖寺鐘記 do Hạnh Am tiên sinh 杏庵先生 (tức Nguyễn Thiếp 阮浹) soạn (Nguyễn Hồng Linh, 2015).

9/ **Thạch Động thi sao** (A.577) là bản sao y nguyên của sách *Thạch Động tiên sinh thi tập* (VHv.1464/1), trong đó chỉ có một số khác biệt về tiểu tiết so với bản gốc, nên có giá trị tham khảo, so sánh, hiệu khám văn bản (Nguyễn Hồng Linh, 2015).

10/ **Luận ngữ ngu án** 論語愚按 (VNCHN: VHv.1349/1-2): được soạn vào năm 1778 và hoàn thành vào năm 1780. Phạm Nguyễn Du đã sắp xếp, chia lại nguyên bản sách *Luận ngữ* 論語 hiện hành (vốn có 20 thiên 篇 với tổng cộng 482 chương 章) thành 4 thiên [4 thiên đó có tên là: *Thánh* 聖 (khuôn thước, mẫu mực của thánh nhân; 105 chương), *Học* 學 (việc học tập, tu dưỡng; 202 chương), *Sĩ* 仕 (công việc làm quan; 45 chương), *Chính* 政 (bản về chính trị; 141 chương)] với tổng cộng 493 chương (nhiều hơn 11 chương so với nguyên bản *Luận ngữ*). Trong mỗi thiên 篇, Phạm Nguyễn Du lại chia ra nhiều loại 類, cụ thể như sau: thiên *Thánh* (gồm 8 loại); thiên *Học* (gồm 4 loại); thiên *Sĩ* (gồm 3 loại); thiên *Chính* (gồm 5 loại). Cách làm của ông là đầu tiên dẫn nguyên văn từng chương (có chú thích rõ xuất xứ từ thiên nào trong nguyên bản *Luận ngữ* để tiện theo dõi), sau nguyên văn là phần

“ngu án” 愚按 ghi lại nhận thức, bình giải của Phạm Nguyễn Du “nhân khi đọc sách, ngẫu nhiên có điều thu nhận được, theo ý mà viết ra” (*Phàm lệ* 凡例). Cuối mỗi thiên có phần *Tổng thuyết* 總說 nêu rõ ý nghĩa chung của cả thiên, lý do đặt tên thiên và việc nhóm vào đó các chương nhất định. Về văn bản, Phạm Nguyễn Du cũng đưa ra một số ý kiến riêng hoặc căn cứ vào ý kiến của Trình Tử 程子 và Chu Tử 朱子 để sửa đổi. Các ý kiến bình giải thường hướng đến 2 mục đích: một là *thông kinh* 通經 (hiểu rõ, hiểu đúng kinh văn); hai là *tri dụng* 致用 (rút ra ý nghĩa, bài học để tu dưỡng, thực hành). *Luận ngữ ngu án* là tác phẩm chính thức đầu tiên hiện còn của Việt Nam chuyên diễn giải về sách *Luận ngữ*, kế thừa và mở ra một trào lưu viết sách diễn thích về *Luận ngữ* Việt Nam. Sách cũng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nghiên cứu lịch sử tư tưởng Việt Nam thế kỷ XVIII nói riêng và lịch sử tư tưởng Việt Nam trung đại nói chung. Sách này đã được Phan Văn Các (2005), Đinh Thanh Hiếu (2006), Nguyễn Nam (2017) nghiên cứu rất kỹ lưỡng, chi tiết.

11/ **Đoạn trường lục** (VNCHN: A.2826) dày 86 trang chép tay, gồm một bài tự dẫn của tác giả đề năm Nhâm Thìn (1772), 14 bài văn tế, 49 câu đối cúng và phúng viếng, 34 bài thơ. Sách này có lẽ nguyên tên là *Nhâm Thìn lục* 壬辰錄. Tác giả có để lại bài ghi chép về *Nhâm Thìn lục* trong sách *Thạch Động văn sao* (VHv.84/2) nói rất cụ thể về tác phẩm này (số bài thơ, văn tế, câu đối làm từng ngày, v.v...). Trong *Thạch Động tiên sinh thi tập* cũng có một bài thơ nói về việc này, đó là bài *Duyệt Nhâm Thìn lục cảm thành* 閱壬辰錄感成 trong đó có những câu như: “Tình cảm trong nhiều năm dồn cả vào năm Nhâm Thìn này/ Mở sách thấy như đang đối diện với người ngọc...” (年年情

積此壬辰, 披錄猶如對玉人。...). Cái tên *Đoạn trường lục* có lẽ do người đời sau đặt. Theo khảo sát thì tất cả các bài thơ này đều có chép trong các cuốn *Thạch Động thi sao*, *Thạch Động tiên sinh thi tập* và *Hầu Thạch Động thi tập* (đã mô tả ở trên). Một số bài văn tế và câu đối cũng được ghi chép lẻ tẻ trong các sách khác. Đây thực sự là cuốn nhật ký tâm trạng bằng thơ của tác giả, ghi lại những tâm sự, nỗi đau xót, nhớ nhung xen lẫn hối hận của Phạm Nguyễn Du với tư cách một người chồng đối với người vợ vừa mới mất. Cùng với *Khuê ai lục* 閨哀錄 của Ngô Thì Sĩ, *Đoạn trường lục* là sáng tác hiếm hoi viết về tình cảm chân thật của tác giả (một nhà Nho) dành cho vợ. Sách này đã được *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 10A) giới thiệu một phần (Xem: Đặng Đức Siêu, 1996), sau đó Phan Văn Các (2005) dịch và công bố toàn bộ tác phẩm.

12/ Trần Văn Giáp (1971b) còn cho biết Phạm Nguyễn Du còn có tác phẩm *Chu huấn toản yếu* 朱訓纂要 (?). Nhưng chúng tôi chưa thấy sách xuất hiện ở tư liệu nào, cũng chưa có điều kiện tra cứu xuất xứ của thông tin này.

Ngoài ra, thơ văn của Phạm Nguyễn Du còn được lưu giữ trong các sách như: *Bi kí tạp biên* 碑記雜編, *Danh ngôn tạp trứ* 名言雜著, *Danh phú hợp tuyển* 名賦合選, *Đối liên trường văn tập* 對聯帳文集, *Lê triều hội thí văn tập* 黎朝會試文集, *Lê triều hội yếu văn tuyển* 黎朝會要文選, *Nghệ An thi tập*, *Phật kinh trích tự* 佛經摘字, *Tồn Am thi thảo* 存庵詩稿, *Hoàng Việt thi tuyển* 皇越詩選, *Hoàng Việt văn tuyển* 皇越詩選, *Minh Đô thi vịnh* 明都詩彙, *Việt thi tục biên* 越詩續編... (Trần Nghĩa, Francois Gros, 1993). Đây là những tài liệu bổ trợ cho các tác phẩm trên của Phạm Nguyễn Du. Thậm chí, có sách còn cung cấp những tác phẩm hoàn toàn mới của

ông (như: *Danh ngôn tạp trứ*, *Hoàng Việt thi tuyển*...).

### 3. Kết luận

Tóm lại, trước tác của Phạm Nguyễn Du khá nhiều và khá đa dạng về chủng loại. Tác phẩm của ông cũng may mắn còn tồn tại đến ngày nay gần như trọn vẹn. Có thể thấy, hầu hết các tác phẩm của Phạm Nguyễn Du đều được in hoặc sao chép ở đầu thời Nguyễn, do đó có độ tin cậy cao (trừ một số thơ văn chép lẫn như đã đề cập) về mặt văn bản. Trong thời gian tới, cần khảo sát, tổng hợp, hiệu đính các văn bản hiện còn để tiến đến việc xác lập thiện bản, hiệu điểm, phiên dịch và công bố thêm (nếu không phải là toàn bộ) các tác phẩm của ông để cuộc đời, sự nghiệp của Phạm Nguyễn Du sẽ được chi tiết, sáng tỏ hơn nữa. Việc nghiên cứu sâu vào từng văn bản ở nhiều phương diện (nội dung, nghệ thuật...) cũng rất cần thiết. Việc đặt Phạm Nguyễn Du và tác phẩm của ông vào bối cảnh thời đại (cuối thế kỷ XVIII) chắc chắn sẽ đưa đến nhiều nhận thức, hiểu biết mới... Có như vậy, tên tuổi và sự nghiệp văn chương của Phạm Nguyễn Du mới đến được với đông đảo bạn đọc, góp phần khẳng định thêm vị trí, vai trò của ông trong tiến trình lịch sử văn học Việt Nam □

### Tài liệu tham khảo

1. Phan Văn Các (2005), “*Luận ngữ ngu án - tác phẩm kinh học đáng chú ý*”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr. 44-51.
2. Phạm Nguyễn Du, *Đoạn trường lục* (Phan Văn Các dịch), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
3. Trần Văn Giáp (1971a), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Văn Giáp (1971b), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm: Nguồn tư liệu, sử liệu, văn học Việt Nam*, tập 1, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội.

5. Đinh Thanh Hiếu (2006), “Luận ngữ ngu án - một cách tiếp cận Luận ngữ của nhà Nho người Việt”, trong: *Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 179-196.
6. Phạm Đình Hồ (1989), *Vũ trung tùy bút*, Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến dịch, Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú thích, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Đỗ Văn Hỷ (1993), *Người xưa bàn về văn chương*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Võ Khiêm, Đức Đạt, Song Huỳnh, Mai Am (1973), *Nhân trung vịnh cổ vịnh sử* (Giáp Ất tập), Lưu Minh Tâm dịch, Trung tâm học liệu, Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Sài Gòn.
9. Nguyễn Hồng Linh (2015), *Khảo sát văn bản và tìm hiểu giá trị Thạch Động tiên sinh thi tập của Phạm Nguyễn Du*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
10. Nguyễn Nam (2017), “A Vietnamese Reading of the Master’s Classic: Pham Nguyen Du’s Humble Comments on the Analects as an Example of transformative learning”, *Asian Studies*, No V (XXI), pp. 167-199.
11. Trần Nghĩa, Francois Gros (chủ biên, 1993), *Di sản Hán Nôm: Thư mục đề yếu*, 3 tập, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tô phiên dịch Viện sử học dịch, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
13. Đặng Đức Siêu (chủ biên, 1996), *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 10A, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Ngô Đức Thọ (chủ biên, 1993), *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
15. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2003), *Ngô Thì Nhậm toàn tập*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

(tiếp theo trang 60)

6. Đào Thị Loan (1916), “Lời đàn bà”, *Trung Bắc tân văn*, số 123 (ngày 27/4/1916).
7. Nguyễn Nam (2010), “Phụ nữ tự sát - Lỗi tại tiểu thuyết? Một góc nhìn về phụ nữ với văn chương - xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX (Lược trích)”, *Nghiên cứu văn học*, số 7 (tháng 7), tr. 53-65.
8. Võ Văn Nhơn (2011), *Ảnh hưởng của tiểu thuyết Trung Quốc đối với sự hình thành và phát triển nền tiểu thuyết quốc ngữ ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/hoi-thao/viet-nam-trung-quoc/2415-anh-huong-cua-tieu-thuyet-trung-quoc-doi-voi-su-hinh-thanh-va-phat-trien-tieu-thuyet-quoc-ngu.html>, truy cập ngày 03/11/2021.
9. Hoàng Ngọc Phách (1920), “Văn chương với nữ giới. Cái hại của văn cảm đối với nữ học sinh”, *Nam Phong tạp chí*, số 41 (tháng 11), tr. 379-383.
10. Vũ Ngọc Phan (1942), *Nhà văn hiện đại*, Quyển Nhất, Nxb. Tân Dân, Hà Nội.
11. Nguyễn Phú Phong (1997), *Việt Nam, chữ viết, ngôn ngữ và xã hội*, [http://chimviet.free.fr/vanhoc/vnchuviet/npph00\\_nhapde.htm](http://chimviet.free.fr/vanhoc/vnchuviet/npph00_nhapde.htm), truy cập ngày 03/11/2021.
12. Vayrac, Émile (2000), “Báo cáo [ngày 17/2/1937 ký tên E. Vayrac, Trưởng phòng Xuất bản Bản xứ] về những cố gắng của Pháp ở Bắc kỳ trong 25 năm vừa qua để cho người An Nam có sách báo tốt để đọc” [RSTF/NF, d. 05219, CAOM], Nguyễn Kỳ dịch, Tài liệu lưu hành nội bộ nhân kỷ niệm 118 năm ngày sinh Nguyễn Văn Vĩnh (1882-2000).